

|                                 |                                                                                                          |                          |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| SỞ NÔNG NGHIỆP<br>VÀ MÔI TRƯỜNG | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                 |                                                                                                          | Lần ban hành: 04         |
|                                 |                                                                                                          | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

## MỤC LỤC

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| Trách nhiệm | Soạn thảo                                                                           | Xem xét                                                                                                                                                                    | Phê duyệt                                                                                                                                                                     |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ tên      | Huỳnh Thị Cẩm Vân                                                                   | Phạm Thị Minh Hiếu                                                                                                                                                         | Ngô Thái Chân                                                                                                                                                                 |
| Chữ ký      |  | <br> | <br> |
| Chức vụ     | Chuyên viên                                                                         | Chi cục Trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật                                                                                                                       | Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                         |

|                                         |                                                                                                                              |                          |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>SỞ NÔNG NGHIỆP<br/>VÀ MÔI TRƯỜNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm</b><br><b>tra nghiệp vụ đại diện quyền</b><br><b>đối với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                         |                                                                                                                              | Lần ban hành: 04         |
|                                         |                                                                                                                              | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

| <b>Yêu cầu<br/>sửa đổi/<br/>bổ sung</b> | <b>Trang / Phần<br/>liên quan<br/>việc sửa đổi</b> | <b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>      | <b>Lần<br/>sửa đổi</b> | <b>Ngày sửa đổi</b> |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------|
| Mục 5.1                                 | Trang 4                                            | Bổ sung thêm căn cứ pháp lý        | 03                     | 29/5/2026           |
| Mục 5.2                                 | Trang 4                                            | Thành phần hồ sơ                   |                        |                     |
| Mục 5.7                                 | Trang 5                                            | Thay đổi thời gian giải quyết TTHC |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |
|                                         |                                                    |                                    |                        |                     |

|                                         |                                                                                                                  |                          |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>SỞ NÔNG NGHIỆP<br/>VÀ MÔI TRƯỜNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm<br/>tra nghiệp vụ đại diện quyền<br/>đối với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                         |                                                                                                                  | Lần ban hành: 04         |
|                                         |                                                                                                                  | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định thành phần hồ sơ, lệ phí (nếu có), trình tự, cách thức và thời gian giải quyết hồ sơ hành chính của cơ quan theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của cá nhân.

## 2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dịch vụ hành chính công phù hợp với thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính địa phương.
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1 của Quy trình này.

## 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- UBND : Ủy ban nhân dân
- NNMT : Nông nghiệp và Môi trường
- TTHC : Thủ tục hành chính
- QT : Quy trình
- TT : Thủ tục
- ISO : Hệ thống quản lý chất lượng - TCVN ISO 9001:2015
- HS : Hồ sơ
- CCTT&BVTV : Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

|                                         |                                                                                                                              |                          |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>SỞ NÔNG NGHIỆP<br/>VÀ MÔI TRƯỜNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm</b><br><b>tra nghiệp vụ đại diện quyền</b><br><b>đổi với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                         |                                                                                                                              | Lần ban hành: 04         |
|                                         |                                                                                                                              | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  |                |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| <b>5.1</b> | <b>Cơ sở pháp lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |                |
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;</li> <li>- Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đổi với giống cây trồng;</li> <li>- Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;</li> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;</li> <li>- Mục A.XVII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Căn cứ Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> |                  |                |
| <b>5.2</b> | <b>Thành phần hồ sơ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Bản chính</b> | <b>Bản sao</b> |
|            | a) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đổi với giống cây trồng theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | x                |                |
|            | b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                  | x              |
|            | c) Chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đổi với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  | x              |

|                                         |                                                                                                                              |                          |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>SỞ NÔNG NGHIỆP<br/>VÀ MÔI TRƯỜNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm</b><br><b>tra nghiệp vụ đại diện quyền</b><br><b>đối với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                         |                                                                                                                              | Lần ban hành: 04         |
|                                         |                                                                                                                              | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                        |                   |                          |  |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------|--|
|            | hoặc Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn;                                                                                                                                                        |                                                        |                   |                          |  |
|            | d) 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.                                                                                                                                                                                                                                          |                                                        |                   | x                        |  |
| <b>5.3</b> | <b>Số lượng hồ sơ</b>                                                                                                                                                                                                                                              |                                                        |                   |                          |  |
|            | 01 bộ                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                        |                   |                          |  |
| <b>5.4</b> | <b>Thời gian xử lý</b>                                                                                                                                                                                                                                             |                                                        |                   |                          |  |
|            | 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra.                                                                                                                                                                                                                      |                                                        |                   |                          |  |
| <b>5.5</b> | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>                                                                                                                                                                                                                                |                                                        |                   |                          |  |
|            | - Nộp hồ sơ: Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/xã, phường hoặc trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công.<br>- Trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/xã, phường. |                                                        |                   |                          |  |
| <b>5.6</b> | <b>Phí, Lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                        |                   |                          |  |
|            | Không.                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                        |                   |                          |  |
| <b>5.7</b> | <b>Quy trình xử lý công việc</b>                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        |                   |                          |  |
| <b>TT</b>  | <b>Trình tự</b>                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Trách nhiệm</b>                                     | <b>Thời gian</b>  | <b>Biểu mẫu/ Kết quả</b> |  |
| B1         | Tiếp nhận hồ sơ, lập biên nhận hoặc phiếu hẹn.                                                                                                                                                                                                                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/xã, phường | 1/2 ngày làm việc | Giấy biên nhận/Phiếu hẹn |  |

|                                         |                                                                                                                              |                          |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>SỞ NÔNG NGHIỆP<br/>VÀ MÔI TRƯỜNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm</b><br><b>tra nghiệp vụ đại diện quyền</b><br><b>đối với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                         |                                                                                                                              | Lần ban hành: 04         |
|                                         |                                                                                                                              | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

|    |                                                 |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                    |
|----|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| B2 | Kiểm tra/thẩm định hồ sơ                        | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật                  | <p><b>B2.1.</b> Lãnh đạo CCTT&amp;BVTV tiếp nhận và phân công chuyên viên thẩm định/giải quyết (1/2 ngày).</p> <p><b>B2.2.</b> Chuyên viên thẩm định/giải quyết (2,5 ngày):</p> <p>+ <b>Trường hợp đạt:</b> Dự thảo Giấy chứng nhận.</p> <p>+ <b>Trường hợp không đạt:</b> Dự thảo Thông báo không cấp nêu rõ lý do.</p> <p><b>B2.3</b> Lãnh đạo CCTT&amp;BVTV ký tắt kết quả xử lý/giải quyết hồ sơ và chuyển Giám đốc Sở (1/2 ngày).</p> | Theo B1                                                            |
| B3 | Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường                  | <p>1/2 ngày:</p> <p>+ <b>Trường hợp đạt:</b> Ký duyệt Giấy chứng nhận</p> <p>+ <b>Trường hợp không đạt:</b> Ký Thông báo không cấp giấy chứng nhận nêu rõ lý do</p>                                                                                                                                                                                                                                                                        | Theo B2                                                            |
| B4 | Đóng dấu phát hành                              | Văn thư                                                | 1/2 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Theo B3                                                            |
| B5 | Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.      | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/xã, phường | Không tính thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Giấy chứng nhận/ Thông báo không cấp giấy chứng nhận nêu rõ lý do. |

## 6. BIỂU MẪU

- Mẫu Giấy biên nhận hồ sơ hoặc sổ giao nhận hoặc phiếu hẹn.
- Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

|                                         |                                                                                                                              |                          |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>SỞ NÔNG NGHIỆP<br/>VÀ MÔI TRƯỜNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b><br><b>Cấp Giấy chứng nhận kiểm</b><br><b>tra nghiệp vụ đại diện quyền</b><br><b>đối với giống cây trồng</b> | Mã hiệu: QT-09/TT        |
|                                         |                                                                                                                              | Lần ban hành: 04         |
|                                         |                                                                                                                              | Ngày ban hành: 29/5/2026 |

## 7. HỒ SƠ LƯU

| Stt | Tên hồ sơ                                                                                                                                          | Nơi lưu                               | Thời gian lưu |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|
| 1   | Biên nhận hồ sơ/sổ giao nhận/phiếu hẹn                                                                                                             | Bộ phận một cửa                       | 01 năm        |
| 2   | Bộ hồ sơ theo mục 5.2                                                                                                                              | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Lâu dài       |
| 3   | Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP). | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Lâu dài       |